ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1240/QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 11 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc xuất khẩu và bao bì, phụ kiện phục vụ ngành may" của Công ty TNHH may Thiên Sơn Nam Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 1426/STNMT-CCMT ngày 15/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc xuất khẩu và bao bì, phụ kiện phục vụ ngành may";

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc xuất khẩu và bao bì, phụ kiện phục vụ ngành may" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 75/CV-CT ngày 30/5/2024 của Công ty TNHH may Thiên Sơn Nam Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2209/TTr-STNMT ngày 31/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc xuất khẩu và bao bì, phụ kiện phục vụ ngành may" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH may Thiên Sơn Nam Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Giao An,

huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao An;
- C.ty TNHH may Thiên Sơn Nam Định;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, TTr VP3.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN "XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC XUẤT KHẨU VÀ BAO BÌ, PHỤ KIỆN PHỤC VỤ NGÀNH MAY"

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc xuất khẩu và bao bì, phụ kiện phục vụ ngành may.

- Địa điểm thực hiện: Xã Giao An, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Chủ dự án: Công ty TNHH may Thiên Sơn Nam Định.

- Địa chỉ liên hệ: Xã Giao An, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 95.800 m^2 tại xã Giao An, huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định. Trong đó: Diện tích dự án là 91.600 m^2; diện tích hành lang đường bộ là 4.200 m^2.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Dự án hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, sản xuất bao bì với tổng công suất dự án khoảng 55 triệu sản phẩm/năm.

- Dự án sẽ phân kỳ đầu tư thành 02 giai đoạn. Công suất mỗi giai đoạn khoảng 27,5 triệu sản phẩm/năm, bao gồm:

+ Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu (áo sơmi, jacket, bộ thể thao, quần, váy,...) công suất khoảng 17,5 triệu sản phẩm/năm; trong đó, công đoạn giặt mài sẽ được triển khai toàn bộ ở giai đoạn I với công suất 4.800.000 m^2 vải/năm.

+ Sản xuất bao bì (túi giấy, thùng giấy,…) công suất khoảng 7,5 triệu sản phẩm/năm (không sử dụng phế liệu nhập khẩu).

+ Sản xuất các sản phẩm may khác (đệm vai, cổ áo rời, các chi tiết trang trí từ vải,...) công suất khoảng 2,5 triệu sản phẩm/năm.

- Tiến độ thực hiện dự án

+ Giai đoạn I sẽ đi vào vận hành từ Quý IV/2026.

+ Giai đoạn II sẽ đi vào vận hành từ Quý IV/2028.

1.3. Quy trình sản xuất

- Quy trình sản xuất hàng may mặc, các sản phẩm may khác: Mẫu mã sản xuất/Nguyên, phụ liệu → Nhập kho → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Thiết kế mẫu, giác sơ đồ mẫu → Cắt chia bán thành phẩm → May xử lý bề mặt → Giặt →

Vắt → Sấy khô → Là hơi - Hoàn thiện → Kiểm hàng → Đóng gói → Xuất xưởng.

- Quy trình sản xuất bao bì: Nguyên liệu (giấy cuộn) → Tạo sóng giấy → Cắt → In → Cắt rãnh → Ghép keo/đóng ghim → Đóng gói → Xuất xưởng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

TT	Hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	**Giai đoạn 1**			
	Nhà xưởng sản xuất 1			
-	Khu văn phòng 1	02	624	1.248
-	Khu cắt + hoàn thiện 1	01	13.936	13.936
-	Kho vải 1	01	6.960	6.960
-	Kho thành phẩm 1	01	4.000	4.000
2	**Giai đoạn 2**			
	Nhà xưởng sản xuất 2			
-	Khu văn phòng 2	02	624	1.248
-	Khu cắt + hoàn thiện 2	01	13.936	13.936
-	Kho vải 2	01	6.960	6.960
-	Kho thành phẩm 2	01	4.000	4.000

(Chi tiết diện tích các hạng mục công trình khác được nêu trong báo cáo ĐTM)

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ Điểm đ Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án có yếu tố nhạy cảm do có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 90.086,9 m^2 thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động bóc tách tầng đất mặt (đất trồng lúa nước 02 vụ) và nạo vét kênh mương (đất kênh mương thủy lợi).

- San lấp mặt bằng.

- Thi công hạ tầng kỹ thuật các công trình của dự án.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của cán bộ, công nhân viên.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông của cán bộ, công nhân viên và khách hàng ra vào dự án.

- Hoạt động sản xuất.

- Khu vực bể xử lý nước thải, khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Đối với nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án giai đoạn thi công khoảng 182.978 m^3/năm. Thành phần ô nhiễm: Đất, cát, vật liệu rơi vãi, chất cặn bã, dầu mỡ,...

- Nước thải từ hoạt động xây dựng phát sinh khoảng 02 m^3/ngày chủ yếu từ công đoạn rửa cát, đá xây dựng, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị tham gia thi công,... Thành phần ô nhiễm: Đất, cát xây dựng, dầu mỡ,...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 3,6 m^3/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm: BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, Phosphat, Amoni, tổng Coliform.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 139.086 m^3/năm. Thành phần ô nhiễm: Chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 242 m^3/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm: BOD5, chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng Coliform,…, trong đó:

+ Giai đoạn I: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 82 m^3/ngày.

+ Giai đoạn II: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 160 m^3/ngày.

Khi dự án đi vào vận hành ổn định, tổng khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 242 m^3/ngày.

- Nước thải sản xuất

+ Giai đoạn I: Khối lượng phát sinh khoảng 85 m^3/ngày (nước thải phát sinh từ hoạt động giặt mài và từ hoạt động xử lý khí thải lò hơi).

+ Giai đoạn II: Khối lượng phát sinh khoảng 08 m^3/ngày (nước thải phát sinh từ hoạt động xử lý khí thải lò hơi).

Khi dự án đi vào vận hành ổn định, tổng khối lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng 93 m^3/ngày.

3.1.2. Đối với bụi và khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bóc tách tầng đất mặt, nạo vét kênh mương, san lấp mặt bằng; từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe

tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu. Thành phần ô nhiễm: Bụi, khí SO_2, CO_2, NO_2, hydrocacbon,...

- Hơi mùi, khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công như: CH_4, NH_3, H_2S,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động giao thông: Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào nhà máy, phương tiện giao thông của cán bộ, công nhân viên và khách hàng. Thành phần ô nhiễm: CO, SO_2, NO_x, VOC, bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất

+ Dây chuyền sản xuất hàng may mặc, các sản phẩm may khác: Phát sinh từ công đoạn may (bụi vải); từ công đoạn xử lý bề mặt sản phẩm (hơi kali permanganat $KMnO_4$); từ công đoạn giặt (hơi NaOH, CH_3COOH, HCOOH).

+ Dây chuyền sản xuất bao bì: Phát sinh từ công đoạn in ấn bìa carton (Toluen, Benzen,…)

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi. Thành phần gồm: Bụi, NO_x, SO_2, CO_2.

- Hơi mùi từ quá trình nấu ăn.

- Hơi mùi khí thải phát sinh từ nhà chứa chất thải sinh hoạt và 03 hệ thống xử lý nước thải. Thành phần gồm: CH_4, NH_3, H_2S,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Đối với chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 18 kg/ngày. Thành phần: Giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 30,7 tấn/giai đoạn. Thành phần gồm: Đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ côtpha, dây thừng, thùng chứa,...

- Bùn từ hoạt động nạo vét kênh mương phát sinh khoảng 837 tấn (tương đương khoảng 598 m^3).

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên. Thành phần gồm: Giấy vụn, túi nilon, vỏ hộp, rác hữu cơ như vỏ hoa quả, thức ăn thừa.

+ Giai đoạn I: Khối lượng phát sinh khoảng 408 kg/ngày.

+ Giai đoạn II: Khối lượng phát sinh khoảng 800 kg/ngày.

Khi dự án đi vào vận hành ổn định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 1.208 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm: Vải vụn, vải thừa phát sinh từ dây chuyền sản xuất hàng may mặc; bavia giấy, mẩu vụn giấy carton thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất bao bì; dây nilon, túi nilon thải, thùng bìa giấy thải,...; xỉ than, cặn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi; than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải khu vực nấu ăn; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Giai đoạn I: Khối lượng phát sinh khoảng 606 tấn/năm.

+ Giai đoạn II: Khối lượng phát sinh khoảng 607 tấn/năm.

Khi dự án đi vào vận hành ổn định, tổng khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh là 1.213 tấn/năm.

3.2.2. Đối với chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng với khối lượng khoảng 2.789 kg cho cả quá trình xây dựng. Thành phần gồm: Que hàn thải có kim loại nặng; xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại; giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; sơn thải, chổi lăn sơn; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (vỏ thùng chứa sơn thải),…

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh gồm: Các loại chất thải khác có thành phần nguy hại vô cơ (bóng đèn LED thải); bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại; dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; hộp mực in thải; mực in thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử; bùn thải (hệ thống xử lý nước thải sản xuất).

- Giai đoạn I: Khối lượng phát sinh khoảng 301 kg/năm.

- Giai đoạn II: Khối lượng phát sinh khoảng 6.301 kg/năm.

Khi dự án đi vào vận hành ổn định, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 6.602 kg/năm.

3.3. Đất bóc tách tầng đất mặt

Khối lượng đất bóc tách tầng đất mặt từ đất trồng lúa nước 02 vụ khoảng 18.017,4 m^3 (tương đương 25.224,4 tấn).

3.4. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung chủ yếu do hoạt động của các máy móc thi công xây dựng, hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận tải.

b) Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn, độ rung: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông (xe vận

chuyển hàng hóa, phương tiện đi lại của cán bộ, công nhân viên và khách hàng); từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất (máy may, máy cắt, máy dập, hệ thống quạt gió, máy phát điện,…).

- Nhiệt độ: Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị tham gia vào hoạt động sản xuất như: Lò hơi, máy sấy,…; từ sự rò rỉ hệ thống đường ống dẫn hơi, các van, mối nối trên đường ống tới các phân xưởng sản xuất; từ hoạt động nấu ăn.

3.5. Tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, thiên tai.

b) Giai đoạn vận hành

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Chập điện, cháy nổ, tai nạn giao thông, ngộ độc thực phẩm, an toàn lao động,…

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ dự án lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động gần khu vực lán trại với dung tích bể chứa chất thải 02 m^3/bể chứa/nhà vệ sinh. Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn và xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải từ quá trình xây dựng: Đơn vị thi công khai thông tuyến thoát nước tự nhiên có trong khu vực dự án và đào rãnh thoát nước xung quanh chân công trình để thoát nước. Nước thải sau thu gom sẽ chảy qua 02 hố ga lắng cặn; thường xuyên nạo vét cặn lắng trong hố ga, nước thải tái sử dụng để dập bụi.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Chủ dự án sẽ che chắn nguyên vật liệu tập kết tại công trường để hạn chế nước mưa cuốn trôi các tạp chất bẩn. Cử công nhân thu dọn các chất thải rắn, phế liệu sau mỗi ngày làm việc. Bố trí hố ga lắng cặn và rãnh tiêu thoát nước kịp thời, tránh hiện tượng ngập úng cục bộ.

+ Giai đoạn I: Rãnh thoát nước dẫn ra mương tiêu phía Tây Bắc dự án.

+ Giai đoạn II: Rãnh thoát nước dẫn ra mương tiêu phía Đông Nam dự án.

b) Giai đoạn vận hành

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất về 03 hệ thống xử lý nước thải, trong đó 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m^3/ngày.đêm, 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 100 m^3/ngày.đêm (giai đoạn 1) và 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m^3/ngày.đêm (giai đoạn 2) xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra mương tiêu phía Tây Bắc dự án qua 1 điểm xả.

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải dự án

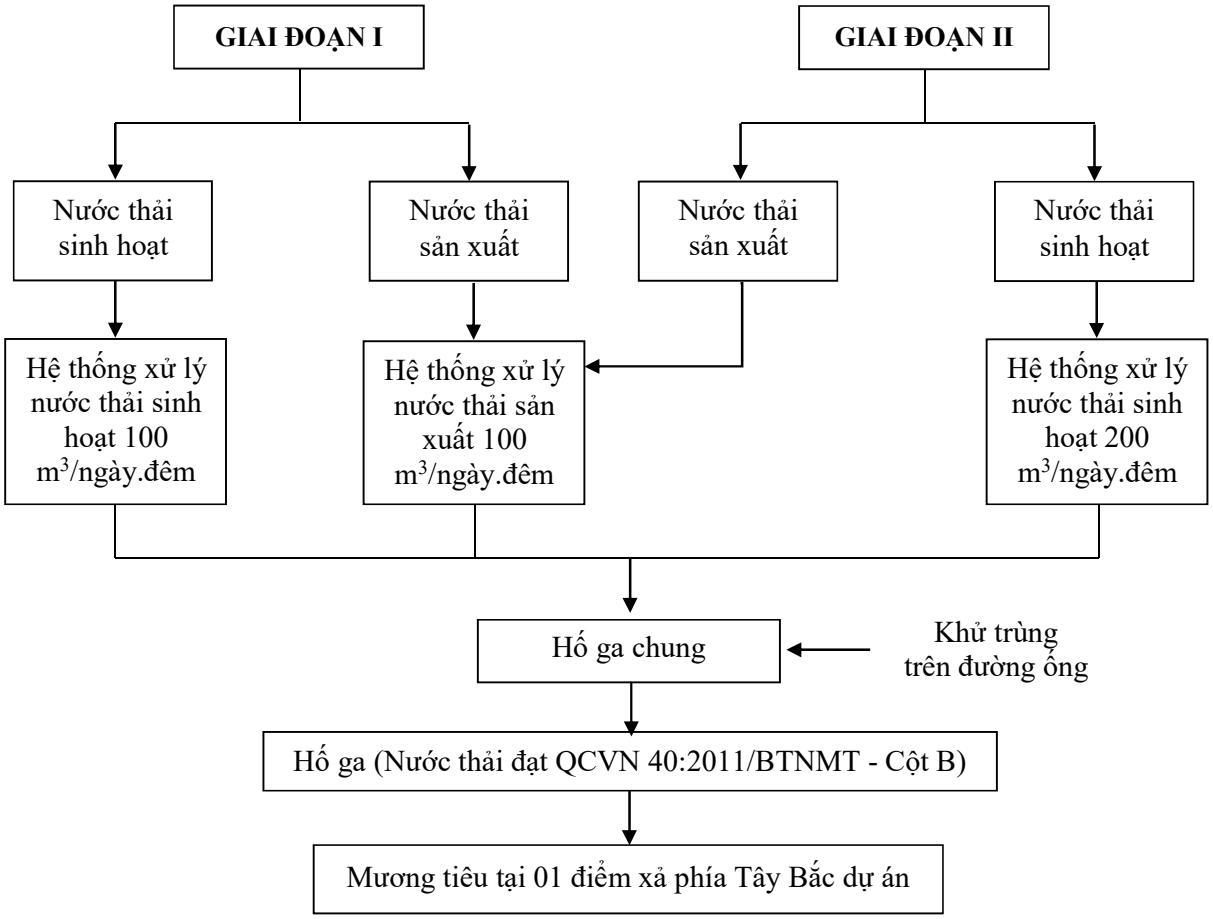

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn sẽ theo hệ thống cống thoát nước thải BTCT D300 cùng với nước thải nhà ăn dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý.

Chủ dự án dự kiến xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

+ Giai đoạn I: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 100 m^3/ngày.đêm.

+ Giai đoạn II: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 200 m^3/ngày.đêm.

Quy trình của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể gom, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí (chứa màng MBR) → Hố ga chung (Khử trùng trên đường ống) → Hố ga lấy mẫu (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B) → Mương tiêu phía Tây Bắc dự án qua 01 điểm xả.

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ hoạt động khu giặt và hoạt động xử lý khí thải lò hơi theo hệ thống thoát nước thải D300 dẫn về bể gom của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 100 m^3/ngày.đêm.

Quy trình của hệ thống xử lý nước thải sản xuất như sau: Nước thải sản xuất → Bể gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng bùn hóa lý → Bể

chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Hố ga chung (Khử trùng trên đường ống) → Hố ga lấy mẫu (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B) → Mương tiêu phía Tây Bắc dự án qua 01 điểm xả.

Nước thải sau xử lý tại 03 hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) được đấu nối chung vào 01 hố ga và thải ra mương tiêu phía Tây Bắc dự án qua 01 điểm xả.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của 03 hệ thống xử lý nước thải được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường)

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động của các máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông

+ Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; thường xuyên được kiểm định, bảo dưỡng định kỳ.

+ Yêu cầu các phương tiện vận chuyển phải chở đúng tải trọng cho phép, đi đúng tuyến đường, thời gian quy định và có bạt che chắn, hạn chế chất thải rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển. Nếu xảy ra hiện tưởng rơi vãi chất thải, nguyên vật liệu trên tuyến đường vận chuyển sẽ kịp thời thu dọn, xử lý. Quy định tốc độ xe, đặt biển báo hạn chế tốc độ với phương tiện giao thông ra vào công trường và khu vực lân cận.

+ Có kế hoạch sử dụng thiết bị hợp lý, tránh sử dụng đồng thời nhiều thiết bị. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị sử dụng theo quy định.

+ Không làm việc vào những giờ nghỉ từ 22h ngày hôm trước đến 06h sáng ngày hôm sau và từ 11h30 đến 13h30.

+ Hạn chế hoạt động cùng một lúc các máy móc có phát sinh tiếng ồn lớn nhằm tránh sự cộng hưởng làm gia tăng độ ồn.

- Biện pháp giảm bụi, khí thải từ công đoạn hàn: Trang bị khẩu trang, găng tay, kính hàn bảo vệ mắt cho công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình xây dựng

+ Xây dựng tường rào bao quanh khu vực dự án để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Thường xuyên phun ẩm khu vực xây dựng để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đảm bảo quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, chở đúng tải trọng cho phép và có bạt che chắn, không để vật liệu rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển.

+ Không đốt các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ xưởng sản xuất

+ Nền nhà xưởng được láng bê tông và lát gạch để hạn chế bụi phát tán từ nền nhà xưởng trong khu vực sản xuất.

+ Bố trí công nhân quét dọn và thu gom bụi sau mỗi ca làm việc.

+ Đầu tư mới 100% dây chuyền thiết bị, máy móc hiện đại. Bố trí dây chuyền phù hợp với quy trình sản xuất.

+ Sử dụng nguồn nguyên liệu đảm bảo, an toàn, thân thiện với con người và môi trường.

+ Lắp đặt hệ thống thông gió dọc theo chiều dài xưởng sản xuất.

- Biện pháp xử lý bụi, khí thải lò hơi: Chủ dự án đầu tư 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi với quy trình như sau: Bụi, khí thải → Lọc khô (thiết bị Cyclon) → Lọc ướt (bể chứa nước) → Ống khói cao 12 m so với mặt đất (Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)) → Môi trường.

Vị trí đặt lỗ kỹ thuật lấy mẫu khí và sàn thao tác lấy mẫu được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi
được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường)

- Biện pháp giảm thiểu hơi mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn: Lắp đặt hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải khu vực nấu ăn với quy trình như sau: Hơi mùi, khí thải → Chụp hút → Thiết bị hấp thụ (than hoạt tính) → Môi trường.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông

+ Ban hành nội quy, quy định vận hành các phương tiện giao thông ra vào dự án hợp lý.

+ Quy định vận tốc, trọng tải xe chở nguyên liệu, hàng hóa có vật liệu che chắn thùng xe để đảm bảo an toàn trên dọc tuyến đường vận chuyển.

+ Đường giao thông nội bộ trong khuôn viên dự án sẽ được đổ bê tông để giảm thiểu bụi bị cuốn bay vào không khí.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án. Diện tích cây xanh dự kiến trồng giai đoạn I khoảng 9.159 m^2 (tỷ lệ 20%); giai đoạn II khoảng 9.221 m^2 (tỷ lệ 20,1%).

- Biện pháp giảm thiểu hơi mùi phát sinh từ nhà chứa chất thải và hệ thống xử lý nước thải

+ Toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom vào thùng nhựa có nắp đậy kín. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng trong khuôn viên dự án có nắp đậy. Định kỳ 1 - 2 tuần/lần phun thuốc sát trùng xung quanh khu vực xử lý nước

thải để hạn chế ruồi nhặng, hơi mùi phát sinh. Trồng cây xanh xung quanh hệ thống xử lý nước thải.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường được thu gom hàng ngày vào 02 thùng chứa loại 100 lít. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng

+ Đối với bùn nạo vét từ kênh mương: Tận dụng trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

+ Đối với chất thải như: Đất, đá, gạch vỡ, bê tông thải,... sẽ được tận dụng san lấp mặt bằng dự án.

+ Đối với chất thải rắn như: Sắt, thép, ống nhựa, dây điện thải,… sẽ thu gom và bán tận thu.

+ Đối với chất thải không thể tái chế, tái sử dụng từ quá trình thi công sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 20 thùng rác (thể tích 50 lít/thùng) đặt tại xưởng sản xuất, khu vực nhà ăn để thu gom và đưa về kho chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10 m^2 (bố trí trong hạng mục nhà chứa chất thải rắn phía Đông Bắc dự án). Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom chất thải rắn sinh hoạt đưa đi xử lý định kỳ 03 lần/tuần.

- Chất thải rắn thông thường khác

+ Vải vụn, vải thừa; bavia giấy, mẩu vụn giấy carton thải; dây nilon, túi nilon thải, thùng bìa giấy thải,...: Thu gom về kho chất thải rắn thông thường có diện tích 30 m^2 (bố trí trong hạng mục nhà chứa chất thải rắn phía Đông Bắc dự án).

+ Xỉ than: Lưu giữ tại khu vực lưu giữ xỉ 15 m^2 (bố trí ngay trong nhà lò hơi) có mái che. Để đảm bảo điều kiện lưu chứa, chủ dự án sẽ tôn cao sân nền khu vực lưu giữ xỉ khoảng 15 cm so với mặt đường giao thông nội bộ.

+ Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải khu vực nấu ăn: Định kỳ thay thế 06 tháng/lần với lượng phát sinh khoảng 24 kg/năm. Vật liệu lọc thải sẽ được thu gom vào 01 thùng chứa thể tích 50 lít, lưu giữ tại kho chất thải

rắn thông thường có diện tích 30 m^2 (bố trí trong hạng mục nhà chứa chất thải rắn phía Đông Bắc dự án).

+ Cặn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Lưu tại bể, định kỳ 06 tháng/lần hút cặn thải đưa đi xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m^3/ngày.đêm (giai đoạn I) và công suất 200 m^3/ngày.đêm (giai đoạn II): Lưu giữ ngay trong các bể xử lý và định kỳ hút vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chủ dự án bố trí khu vực lưu giữ CTNH có diện tích 05 m^2 có mái che, bố trí gần khu vực kho chứa sắt thép, xi măng trong khu vực dự án; trong kho bố trí 03 thùng chứa thể tích 50 lít/thùng để lưu chứa đầu mẩu que hàn, xỉ hàn, giẻ lau, găng tay dính dầu; đối với chổi quét sơn, con lăn sơn thải, bạt thu gom sơn sẽ tận dụng luôn vỏ thùng sơn để lưu chứa; vỏ thùng sơn thải được thu gom và bố trí khu vực riêng trong khu vực lưu chứa CTNH.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chủ dự án bố trí 01 kho CTNH có diện tích 10 m^2/giai đoạn (bố trí trong hạng mục nhà chứa chất thải rắn phía Đông Bắc dự án). Kho có tường bao kín, nền đổ bê tông, mái lợp tôn; có khóa, ngoài có biển cảnh báo theo đúng quy định. Trong kho bố trí vật liệu, dụng cụ xử lý khi gặp sự cố như cát khô, mùn cưa, xẻng,… Chủ dự án bố trí 09 thùng chứa (thể tích 100 - 200 lít/thùng), có dán mã CTNH riêng biệt, có kẻ vạch vôi phân ô từng loại CTNH. Đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất sẽ được lưu chứa trong bể chứa bùn, định kỳ hút và ép bùn, đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý CTNH theo quy định.

4.3. Đất bóc tách tầng đất mặt từ đất trồng lúa nước 02 vụ

Khối lượng đất bóc tách tầng đất mặt (đất trồng lúa nước 02 vụ) được Chủ dự án sử dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

* Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Lập kế hoạch sử dụng thiết bị hợp lý, tránh sử dụng đồng thời nhiều thiết bị có phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

- Bố trí thời gian vận chuyển vật liệu và vận hành thiết bị thi công hợp lý. Không làm việc vào những giờ nghỉ từ 22h hôm trước đến 06h sáng ngày hôm sau và từ 11h30p đến 13h30p.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công xây dựng.

- Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

- Sử dụng phương pháp ép nén cọc, không dùng búa máy trong quá trình đóng cọc bê tông.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân thi công trên công trường.

* Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Tùy theo từng loại máy móc để có biện pháp khắc phục như kê cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế nguyên lý làm việc khí nén bằng thủy khí, thay đổi chế độ làm việc,…

- Kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn, hư hỏng.

- Không hoạt động đồng thời các máy móc có độ rung lớn, tránh gây hiện tượng cộng hưởng rung động.

b) Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn

+ Ban hành quy định đối với các phương tiện giao thông ra vào nhà máy.

+ Đầu tư máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại và bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý.

+ Máy móc, thiết bị sản xuất có khả năng tạo tiếng ồn, độ rung lớn sẽ được đúc móng, lắp đặt giá đỡ/ bệ đỡ hoặc lắp đệm chống ồn để giảm thiểu.

+ Công nhân lao động trực tiếp tại khu vực phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chống ồn; quan trắc môi trường lao động và khám bệnh nghề nghiệp theo quy định.

- Nhiệt độ

+ Trang bị quạt hút gió khu vực xưởng sản xuất để đảm bảo điều kiện làm việc thông thoáng, đạt quy chuẩn quy định.

- Khu văn phòng bố trí điều hòa nhiệt độ và quạt làm mát đảm bảo nhiệt độ trong phòng theo tiêu chuẩn môi trường lao động của Bộ Y tế.

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên dự án để tạo bóng mát, hạn chế ô nhiễm môi trường.

4.5. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự xã hội của địa phương

+ Thực hiện kê khai tạm trú, tạm vắng cho công nhân từ các địa phương khác đến và quản lý các hoạt động của công nhân tại địa phương.

+ Ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động ngay tại địa phương.

+ Phát hiện và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, xung đột phát sinh giữa công nhân xây dựng, giữa công nhân với người dân địa phương.

+ Đề ra hình thức xử phạt nghiêm đối với những trường hợp vi phạm nội quy, gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa phương và mắc các tệ nạn xã hội.

- Biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng và tình hình giao thông khu vực

+ Quy định thời gian, tốc độ và tải trọng xe vận chuyển thiết bị, dụng cụ, vật liệu xây dựng và chất thải lưu thông trên tuyến đường; nhanh chóng khắc phục, sửa chữa đường giao thông khi xảy ra sự cố.

+ Quá trình thi công xây dựng, gia cố nền móng công trình tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng.

+ Nghiêm cấm đổ vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, rác thải sinh hoạt bừa bãi không đúng nơi quy định.

- Đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ dân xung quanh dự án

+ Đối với đất lúa phía Đông Bắc, chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công tăng cường kiểm soát, không để công nhân san gạt vật liệu xây dựng xuống ruộng của dân.

+ Trường hợp trong quá trình thi công xây dựng dự án gây bồi lấp ruộng ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng, gây ảnh hưởng đến khu vực đất trồng lúa của người dân, chủ dự án và đơn vị thi công cam kết khắc phục trả lại hiện trạng và thực hiện bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng theo thỏa thuận giữa 02 bên.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến mương tiêu phía Tây Bắc dự án

+ Không tập kết nguyên vật liệu xây dựng gần mương tiêu.

+ Không đổ các chất thải phát sinh từ quá trình xây dựng đổ ra cánh đồng hoặc đổ xuống mương tiêu xung quanh khu vực dự án gây ô nhiễm nguồn nước.

+ Thường xuyên nạo vét bùn cặn trong hệ thống đường cống thoát nước, không để bùn cặn chảy xuống gây bồi lắng mương tiêu.

+ Trong quá trình thi công xây dựng dự án, tại các vị trí tiếp giáp mương tiêu, chủ dự án cam kết sẽ hoàn trả mương tiêu theo đúng hiện trạng nếu phát sinh hư hỏng gây ảnh hưởng đến hệ thống tiêu thoát nước khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện

+ Thiết kế mặt bằng thông thoáng, bảo đảm cho xe cứu hoả có thể kéo vòi nước tới tất cả các công trình khi xảy ra sự cố. Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đã nhất trí về giải pháp phòng cháy chữa cháy đối với tổng mặt bằng dự án tại Văn bản số 60/QHMB-PCCC ngày 15/5/2023.

+ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

+ Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy quy định đặt tại các vị trí dễ cháy nổ để thuận tiện sử dụng khi xảy ra sự cố.

+ Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai bão lũ

+ Xây dựng, lắp đặt hệ thống chống sét đảm bảo theo quy định.

+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông cống rãnh.

+ Thường xuyên kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện, đặc biệt khi có tin bão có thể xảy ra trên địa bàn.

+ Trường hợp mưa lớn kéo dài làm hệ thống thoát nước mưa trong khuôn viên dự án không kịp tiêu thoát, gây ứ đọng, ngập úng cục bộ, chủ dự án sẽ sử dụng máy bơm nước để hỗ trợ tiêu thoát nước cho khu vực ngay khi hết mưa.

+ Định kỳ 01 lần/năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chống sét.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

+ Chủ dự án bố trí 01 - 02 nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành đã được đào tạo.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải sau xử lý gặp sự cố, nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, chủ dự án sẽ kiểm tra, tìm nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) mới được phép thải ra mương tiêu phía Tây Bắc dự án.

- Biện pháp phòng chống sự cố lò hơi và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

+ Thường xuyên kiểm tra mức nước trong ống thủy tại lò hơi; áp kế, cụm van, đường ống cung cấp hơi nước để kịp thời khắc phục sự cố.

+ Công nhân vận hành tại lò hơi được đào tạo, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành lò.

+ Thực hiện kiểm định lò hơi theo đúng quy định.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống quạt hút để hạn chế tối đa các sự cố liên quan đến quạt hút có thể xảy ra.

+ Kiểm tra đường ống dẫn nếu phát hiện đường ống có rò rỉ, hư hỏng cần phải thay mới ngay lập tức.

+ Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, khí thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, chủ dự án sẽ dừng hoạt động sản xuất có liên quan để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, khí thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống xử lý đi vào vận hành trở lại.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chất thải nguy hại

+ Lập sổ theo dõi tải lượng phát sinh của từng loại CTNH.

+ Yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để CTNH có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau.

+ Bố trí thiết bị dụng cụ PCCC, vật liệu, dụng cụ xử lý khi gặp sự cố (như cát, xẻng,…).

+ Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, CTNH sẽ được thu gom vào thùng chứa, kho chứa và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn lao động

+ Tuyệt đối chấp hành mọi sự chỉ dẫn về an toàn lao động, nội quy phòng cháy và chữa cháy, đặc biệt là vấn đề vệ sinh công nghiệp.

+ Thường xuyên huấn luyện kiến thức về an toàn vệ sinh lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP và định kỳ tổ chức quan trắc môi trường lao động tại cơ sở theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

+ Tại mỗi giai đoạn của dự án, chủ dự án sẽ bố trí 01 khu vực kho hóa chất trong xưởng sản xuất có diện tích khoảng 15 m^2/kho.

+ Bảo quản hóa chất trong các thiết bị chuyên dụng, đậy kín đảm bảo không rơi vãi trong quá trình vận chuyển, sử dụng.

+ Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất trong tồn chứa, sử dụng.

+ Định kỳ hàng năm huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động có liên quan đến hóa chất theo quy định.

+ Xây dựng phương án phòng chống sự cố hóa chất, niêm yết tại dự án.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

+ Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật An toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Hệ thống cấp và thoát nước nhà vệ sinh, chậu rửa các thiết bị dụng cụ trong khu bếp phải đảm bảo vệ sinh tuyệt đối, không có ruồi muỗi, chuột gián.

+ Khu bếp luôn được dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ. Thực phẩm được chọn lựa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

+ Quy trình chế biến đảm bảo đúng hướng dẫn của ngành y tế.

+ Thực hiện lưu mẫu thực phẩm theo đúng quy định.

+ Đội ngũ nhân viên khu bếp được trang bị đầy đủ dụng cụ, bảo hộ khi chế biến thực phẩm và tham gia đầy đủ các lớp nghiệp vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với dịch bệnh

+ Cán bộ công nhân viên dự án cần tuân thủ nghiêm các quy định về phòng chống dịch của Bộ Y tế.

+ Khi dịch bệnh phát sinh cần nhanh chóng liên hệ với chính quyền địa phương, các ban ngành chức năng và thực hiện theo hướng dẫn chỉ đạo.

4.6. Danh mục công trình bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục bảo vệ môi trường		Thông số	Số lượng
I	**Giai đoạn I**			
1	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa		Hệ thống	01
2	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải		Hệ thống	01
3	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m^3/ngày.đêm		Hệ thống	01
4	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 100 m^3/ngày.đêm		Hệ thống	01
5	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi		Hệ thống	01
6	Kho chất thải sinh hoạt	Bố trí trong hạng mục nhà chứa chất thải rắn	m^2	10
7	Kho CTR thông thường		m^2	30
8	Kho chất thải nguy hại		m^2	10
9	Khuôn viên cây xanh (Tỷ lệ 20% diện tích giai đoạn I)		m^2	9.159
10	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải		Chiếc	01
II	**Giai đoạn II**			
1	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa		Đấu nối vào hệ thống giai đoạn I	
2	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải			
3	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m^3/ngày.đêm		Hệ thống	01
4	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi		Hệ thống	01
5	Kho chất thải sinh hoạt	Bố trí trong hạng mục nhà chứa chất thải rắn	m^2	10
6	Kho CTR thông thường		m^2	30
7	Kho chất thải nguy hại		m^2	10
8	Khuôn viên cây xanh (Tỷ lệ 20,1% diện tích giai đoạn II)		m^2	9.221

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Bố trí 01 - 02 cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường của dự án.

- Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Giao Thủy để thực hiện các giải pháp đảm bảo vấn đề an toàn, vệ sinh môi trường của nhà máy.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh giai đoạn thi công xây dựng

- Vị trí quan trắc, giám sát: 02 vị trí cuối hướng gió ưu tiên gần phía khu dân

cư (phía Đông Nam, phía Tây Nam dự án) trong thời gian quan trắc.

- Thông số quan trắc, giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO_2, NO_2.

- Tần suất quan trắc, giám sát: 06 tháng/lần trong thời gian xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Khi có sự thay đổi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

a) Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu lấy tại hố ga cuối cùng sau 03 hệ thống xử lý, trước khi thải ra mương tiêu phía Tây Bắc dự án.

- Thông số quan trắc, giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3/ngày), pH, BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, độ màu, tổng Nitơ, Clo dư, Amoni (tính theo N), Sunfua, tổng photpho (tính theo P), tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất quan trắc, giám sát: 06 tháng/lần (02 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; đối với các thông số pH, Coliform, độ màu thì $C_{max} = C$).

b) Giám sát bụi, khí thải

* Giai đoạn I

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống khói lò hơi, sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi giai đoạn I.

- Thông số giám sát: Lưu lượng khí thải, bụi tổng, SO_2, CO, NO_x.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (04 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1,2$).

* Khi dự án đi vào vận hành ổn định

- Vị trí giám sát: 02 mẫu tại 02 lỗ kỹ thuật trên 02 thân ống khói lò hơi, sau 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Thông số giám sát: Lưu lượng khí thải, bụi tổng, SO_2, CO, NO_x.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (04 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1,2$).

Khi có sự thay đổi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

c) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải rắn, CTNH.

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại và hóa đơn chứng từ giao nhận chất thải, thành phần CTR, CTNH; biện pháp phân loại, thu gom CTR, CTNH,...

- Tần suất quan trắc, giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu khác

- Hoạt động đúng với nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan, thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình của dự án phải bảo đảm tuân thủ quy định về xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc giám sát môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và xây dựng các hạng mục, công trình của dự án.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành dự án theo quy định của pháp luật.

- Vận hành thường xuyên, duy trì bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình, công nghệ xử lý đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường, đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì và vận hành hiệu quả. Cam kết đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) khi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh có văn bản yêu cầu.

- Thực hiện bảo vệ, quản lý và sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác và theo các quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và đền bù thiệt hại đối với môi trường, xã hội nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.